**ÁN TỬ HÌNH – MỘT TRONG NHỮNG CÔNG CỤ PHÁP LÝ HỮU HIỆU ĐỂ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI**

**Th.S. Đặng Thị Hà**

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

1. **Quyền sống là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm và cần được bảo vệ**

Trong lịch sử nhân loại, kể từ khi chấm dứt chế độ công sản nguyên thủy – một cách thức tổ chức loài người trong buổi bình minh để hình thành nên nhà nước là lịch sử của những cuộc đấu tranh khốc liệt để tồn tại, để bảo vệ và đấu tranh đòi lại những quyền cơ bản nhất trong đó có quyền được sống. Về mặt thuật ngữ, Quyền sống hay quyền được sống  là thuật ngữ mô tả về một sự tin tưởng rằng con người hoàn toàn được quyền có điều kiện và các yếu tố cần thiết để sinh sống và không bị giết bởi bất kỳ chủ thể nào khác (con người, nhà nước, các tổ chức).

Ở khía cạnh khác đơn giản hơn, trước hết, quyền sống là quyền tồn tại về mặt sinh học, được sinh tồn mà không bị tước đoạt tính mạng. Theo quan điểm về pháp lý tự nhiên của John Locke, một chính trị gia người Anh thông qua tác phẩm “ Hai luận thuyết về Chính phủ”[[1]](#footnote-1), ba quyền cơ bản nhất không thể tước đoạt của con người đó là quyền sống, quyền tự do và quyền được sở hữu. Theo đó, trong trạng thái tự nhiên, con người có các quyền được sống, quyền tự do, các quyền này bắt nguồn từ bản chất muôn đời và bất biến, không ai có thể thay đổi được. Trên cơ sở ý tưởng của Jonhn Locke, Thomas Jefferson bằng Bản tuyên ngôn độc lập của năm 1776 đã chấm dứt chế độ cai trị của Anh quốc và chính thức trở thành một quốc gia tự do độc lập với khẳng định mạnh mẽ “Chúng ta thừa nhận những chân lý tự nhiên rằng tất cả mọi *người đều sinh ra bình đẳng, tạo hóa cho họ những quyền không thể tước đoạt, đó là quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”[[2]](#footnote-2).* Như vậy, quyền sống không đơn thuần chỉ là được tồn tại mà sự sống đó còn phải gắn liền với tự do và quyền được mưu cầu hạnh phúc và đó cũng chính là kim chỉ nam để sau đó các nhà lập pháp Hoa Kỳ thiết kế nên nhà nước dân chủ, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Kế thừa những giá trị trong văn kiện này, Luật Quốc tế hiện đại lần đầu tiên đã chính thức thừa nhận quyền sống là quyền cốt lõi của mỗi cá nhân và khẳng định đó như là một “tiêu chuẩn pháp lý quốc tế[[3]](#footnote-3)” trong Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền (UDHR) năm 1948: “Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân”[[4]](#footnote-4) và Công ước quốc tế về các Quyền dân sự, chính trị (ICCPR) “Mọi người đều có quyền cố hữu là được sống. Quyền này phải được pháp luật bảo vệ. Không ai có thể bị tước mạng sống một cách tuỳ tiện”[[5]](#footnote-5). Như vậy, quyền an toàn cá nhân gắn kết với quyền sống và quyền tự do được hiểu chính là quyền được bảo vệ của mỗi cá thể trong cộng đồng.

Năm 1982, Ủy ban Nhân quyền (Human Rights Committee - HRC) - cơ quan được lập ra theo ICCPR để giám sát việc thực hiện Công ước này của các quốc gia thành viên đưa ra các lập luận khác nhau về quyền sống: (i) Quyền sống là “một quyền tối cao của con người mà trong bất cứ hoàn cảnh nào, kể cả trong tình trạng khẩn cấp của quốc gia, cũng không thể bị tạm đình chỉ việc thực hiện; (ii) Quyền sống không chỉ được hiểu theo nghĩa hẹp là sự toàn vẹn về tính mạng, mà còn bao gồm việc bảo đảm sự tồn tại của con người[[6]](#footnote-6). Vì thế, quyền này đòi hỏi các quốc gia phải thực thi những biện pháp, cả thụ động và chủ động, để bảo đảm cuộc sống của người dân, đặc biệt là của những nhóm yếu thế. HRC không những coi sống là một đặc quyền mà còn yêu cầu các quốc gia phải thực hiện các biện pháp cứng rắn để bảo vệ quyền này một ở mọi phương diện.

Thông qua các văn kiện này, có thể thấy quyền sống đều được ghi nhận trong mối liên quan với chiến tranh và bạo lực. Trong thời chiến, không tồn tại quyền sống dù là ở khái niệm tự nhiên, kẻ mạnh tự cho mình cái quyền giết chết kẻ yếu hơn mình và bằng sự phản kháng, kẻ mạnh cũng không đảm bảo được sự tồn vong của chính mình. Nhận thức được điều đó, mỗi cá nhân, mỗi quốc gia đều ghi nhận quyền này là quyền thiêng liêng nhất và bất khả xâm phạm. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 đã mượn lời trong Bản tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ tuyên bố với thế giới rằng “*Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.*

*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”.*

Ở thời đại mới khi chiến tranh đã lùi xa, con người bước sang kỷ nguyên của hòa bình, hữu nghị và hợp tác quốc tế. Khái niệm về quyền sống có nội hàm khác so với nghĩa đen của nó. Ở tầm vĩ mô, quyền sống gắn liền với chất lượng cuộc sống. Các quốc gia ngày nay khi đưa ra chính sách, chiến lược phát triển quốc gia đều xem xét đến việc cải thiện hoặc nâng cao đời sống của người dân ở mức tốt nhất. Chế độ an sinh xã hội, hệ thống cơ sở vật chất, dịch vụ đều được chú trọng phát triển nhằm vi mục đích đảm bảo quyền được sống cuộc sống bình thường và được đáp ứng những nhu cầu cơ bản nhất để tồn tại và phát triển về thể chất, làm giảm tỷ lệ chết ở trẻ em và tăng tuổi thọ bình quân của người dân, xóa bỏ tình trạng suy dinh dưỡng và các dịch bệnh, xóa đói, giảm nghèo hướng tới một cuộc sống đầy đủ, ấm no, sang trọng và đẳng cấp. Hiếp pháp 2013 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày Tại điều 19 quy định *"*Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật." Hiến pháp cũng bổ sung một nguyên tắc hiến định đó là: "Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng." (Điều 14). Trên cơ sở xem xét quyền sống là quyền cơ bản của công dân, Hiến pháp 2013 cũng nhìn nhận việc bảo bệ quyền này là điều tất yếu. Đồng thời với đó, trong chính sách phát triển và hệ thống pháp luật quốc gia, bên cạnh xem trọng việc giữ gìn hòa bình, bảo vệ an ninh trật tự nhằm hạn chế tối đa các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe người khác ở trong xã hội, Nhà nước còn nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân hướng đến xây dựng một quốc gia hùng mạnh và hạnh phúc.

1. **Nhà nước – Một trong những thiết chế cơ bản nhất để bảo vệ quyền con người**

*Nhà nước thiết lập nên trật tự xã hội, một nền móng cơ bản để thực hiện quyền con người.* Ở xã hội tự do tuyệt đối nơi mà con người không phải chịu sự ràng buộc bởi bất kỳ một thiết chế pháp lý nào, sự tồn tại sẽ rất ngắn ngủi vì “*Mặc dù có sự hữu ái hòa bình trong tạng thái tự nhiên, các quyền được sống, bình đẳng và tư hữu của con người đã không được đảm bảo chắc chắn, vì mỗi người buộc phải phán xử và trừng trị những kẻ vi phạm quyền hạn của mình*”[[7]](#footnote-7). Do đó, để tránh rơi vào trạng thái hỗ loạn “*cuộc chiến con người chống lại con người*[[8]](#footnote-8)” nhằm điều hòa các mối quan hệ và giữ cho chúng trong một trật tự nhất định, mọi người đã có một giao ước chung về việc thành lập nhà nước. Không phải ngẫu nhiên mà Nhà nước được hình thành, đó là quá trình thai nghén qua những lần phân công lao động ở xã hôi thị tộc khi thương nghiệp tách khỏi chăn nuôi, trồng trọt, xã hội bắt đầu xuất hiện tư hữu và sự phân chia giai cấp đối lập từ đó xuất hiện các mâu thuẫn bởi lợi ích dẫn đến những xung đột ngày càng gay gắt. Tổ chức xã hội thị tộc chỉ dựa trên những khế ước và duy trì sự tồn tại bằng uy tín của người đứng đầu không thể giảm bớt căng thẳng và điều hành xã hội. Con người cần phải có một tổ chức quyền lực công cộng đặc biệt đủ sức mạnh để “*làm dịu bớt xung đột và giữ cho những xung đột đó nằm trong một trật tự nhất định để cho sản xuất phát triển và loài người không đi đến chỗ diệt vong[[9]](#footnote-9)”.* Tổ chức đó gọi là nhà nước*.* Để đảm bảo sự tồn tại, con người sáng lập nên nhà nước và trao cho nhà nước quyền xây dựng, sáng tạo ra pháp luật, có quyền điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng pháp luật đồng thời thiết lập bộ máy cưỡng chế, quản lý các công việc chung của xã hội. Bằng pháp luật, nhà nước đưa ra các quy định có tính áp đặt chung nhằm khống chế, ngăn ngừa hoặc loại bỏ những hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và lợi ích hợp pháp của những thành viên trong xã hội. Đó là một trong những cách thức hữu hiệu để đảm bảo sinh tồn và là nền tảng để thực hiện quyền con người ở mỗi quốc gia. Nói theo quan điểm của Xoocrat: nhà nước xuất hiện như là điều tất yếu, nó là điều ác, một điều ác “thánh thiện”. Sự phục tùng nhà nước, vì vậy, phải được coi như điều bắt buộc, là nghĩa vụ tự nhiên không thể chối cãi. Khi sống trong nhà nước, con người như đã nhận về phần mình nghĩa vụ thực hiện hợp đồng mang tính xã hội, trong đó nghĩa vụ cao nhất là tuân thủ pháp luật dù nó tốt hay xấu[[10]](#footnote-10).

*Tính dân chủ là hạt nhân của một nhà nước nhân quyền.* Con người có rất nhiều phương thức để duy trì sự tồn tại như tự mình bảo vệ chính mình, thông qua các tổ chức phi Chính phủ, các tổ chức khác do mình thành lập hoặc là thành viên. Tuy nhiên, sự bảo vệ đó không được đảm bảo vững chắn và bền vững. Vấn để đặt ra là con người cần có sự liên kết để xây dựng một thiết chế cần thiết với mục đích tồn tại theo như cách diễn giải của GS.TS.Nguyễn Đăng Dung “ *Nhà nước, tức chính quyền, là rất cần cho cuộc sống của mọi người[[11]](#footnote-11)”* và *“ Không có một nhà nước hữu hiệu sẽ không thể có một sự phát triển ổn định cả về mặt kinh tế lẫn về mặt xã hội[[12]](#footnote-12)”.* Tuy nhiên, lịch sử nhân loại đã nhiều lần chứng minh không phải mọi nhà nước đều đảm bảo các quyền của người dân bao gồm cả quyền sống cũng như xem xét tiêu chí đánh giá một quốc gia hạnh phúc thông qua chất lượng cuộc sống của mỗi cá thể trong quốc gia đó. Trong thời kỳ chiếm hữu nô lệ hay thời kỳ quân chủ chuyên chế, quyền lực tập trung vào tay một người hoặc một nhóm người tạo nên chế độ độc tài, đó là sự cai trị của thiểu số đối với toàn xã hội và loai bỏ sự tham gia của đa số nhân dân vào quản lý nhà nước, quyền lực gắn liền với thần quyền. Nhân danh thánh thần các vị quân vương có quyền sinh sát mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì. Đó là thời kỳ, con người chỉ như là những công cụ biết nói. Nói một cách khác, nếu xã hội tồn tại một nhà nước chuyên chế thì ở đó cũng không có bóng dáng của quyền con người, dân chủ trở thành một món xa xỉ phẩm. Vì vậy, xem xét vai trò của nhà nước dưới góc độ là thiết chế cơ bản để bảo vệ “quyền được sống” phải đánh giá trên nền tảng cho sự ra đời của Nhà nước đó. Đó phải là nhà nước được xây dựng bởi nhân dân, của dân và vì dân. Trong bức thư gửi cho Thomas Jefferson ngày 24 tháng 10 năm 1787, Madison Jame viết rằng “ *ước nguyện lớn lao nhất của một chính quyền là đảm bảo tính trung lập giữa những phe khác nhau đồng thời tự kiểm soát chính mình khỏi việc thiêt lập những quy định đi ngược lại lợi ích chung của toàn xã hội*”[[13]](#footnote-13).Chính quyền theo mong ước của Madison là chính quyền vì đa số và “*từ một nhà nước dân chủ là quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân đến một nhà nước* *chịu trách nhiệm trước nhân dân[[14]](#footnote-14)”*. Chúng ta đều phải thừa nhận rằng quyền con người vốn là những quyền thuộc về tự nhiên và để bảo vệ chúng mới có sự ra đời của nhà nước. Vì thế nhà nước rất cần cho sự tồn tại của con người nhưng nhà nước cũng sẽ tự tiêu diệt chính mình nếu không vì sự tự do, bình đẳng và bác ái và để làm được điều đó, tiên quyết, quyền lực nhà nước phải thuộc về nhân dân. Nói một cách khác, phải thiết lập được một chế độ chính trị dân chủ thực sự, nơi mà nhân dân có thể tham gia vào quản lý và điều quốc gia, nhà nước thực sự tồn tại hướng đến lợi ích chung của đại đa số cá thể trong cộng đồng dân cư. Thông qua các văn bản pháp luật, có thể thấy, đại đa số các nhà nước hiện nay đều thực hiện quyền làm chủ của nhân dân như là hạt nhân chủ yếu của nền dân chủ, kể đến đầu tiên là quyền bầu cử (bầu cử trực tiếp hoặc gián tiếp), theo đó, người dân có quyền lựa chọn người xứng đáng để trao quyền trên cơ sở những chính sách mà họ đưa ra có đáp ứng được nguyện vọng của mình hay không. Trên cơ sở đó, công dân có quyền kiểm tra, giám sát các cơ quan công quyền, có quyền xây dựng pháp luật và các quyền chính trị, kinh tế, xã hội khác được quy định cụ thể trong các văn bản pháp quy. Đặc biêt, hầu hết các quốc gia hiện nay đều ghi nhận quyền con người ở trong Hiến pháp với tư cách là một chế định riêng biệt. Bên cạnh việc trao quyền, công dân còn được nhà nước bảo vệ bởi nhiều phương thức khác nhau, các chính sách ngoại giao, hợp tác quốc tế giữa các nước đều nhằm mục đích xoa dịu các căng thẳng, bỏ qua những hiềm khích tiến tới xây dựng nền hòa bình chung. Đối với nhiều quốc gia, quyền con người nói chung và quyền được sống nói riêng là sự vắng bóng của chiến tranh và những xung đột chính trị. Ở giai đoạn hiện nay, khi mà bạo lực đang leo thang ở nhiều nước trên thế giới, một nhà nước dân chủ phải là một nhà nước yên bình. Ngoài ra, sự xuất hiện của các điều ước quốc tế về quyền con người, các hiệp định thương mại, các tổ chức như tổ chức y tế, tổ chức bảo vệ nhân quyền sức khỏe thế giới hay Liên hiệp quốc…mang lại cho con người những giá trị sống to lớn vượt ra xa khỏi những định lượng thông thường: sống chỉ là tồn tại.

1. **Án tử hình – một trong những công cụ pháp lý hữu hiệu để Nhà nước bảo vệ quyền con người**

Tử hình là việc nhà nước tước bỏ quyền sống của một công dân nước đó khi người này vi phạm những tội đặc biệt nghiêm trọng được theo quy định của pháp luật. Đây là hình phạt nặng nhất cũng được xem là biện pháp hữu hiệu nhất nhằm ngăn ngừa tội ác được áp dụng trong hệ thống pháp luật quốc gia trong đó có Việt Nam. Trong nhiều năm trở lại đây, liên quan tới vấn đề quyền con người, án tử hình được các nước xem xét và thảo luận kỹ lưỡng, một số quốc gia cho rằng nên xóa bỏ hình phạt tử hình vì quyền được sống là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm nhưng ở một số các quốc gia khác vẫn duy trì án tử hình như là một công cụ pháp lý để nhà nước bảo vệ quyền con người. Ở Việt Nam, theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, hình phạt tử hình được áp dụng đối với 22/272 tội danh, nhiều quan điểm cho rằng 22 là con số lớn đối với án tử hình khi chung ta đang hướng tới xây dựng một nhà nước vì con người vì vậy, việc xóa bỏ các quy định về án tử hình là điều cần thiết. Tuy nhiên, khi xem xét tới việc nên giữ hay nên bỏ cần cần phân tích dưới nhiều góc độ và điều kiện của tưng quốc gia, đặc biệt đối với các nước đang phát triển việc quy định án tử hình trong hệ thống pháp luật là biện pháp cần thiết nhằm xóa bỏ và ngăn ngừa tội ác.

Thứ nhất, sự phù hợp với pháp luật quốc tế. trong Bình luận chung số 6 (năm 1982), Ủy ban Nhân quyền (Human Rights Committee - HRC) - cơ quan được lập ra theo ICCPR để giám sát việc thực hiện Công ước này của các quốc gia thành viên quy định:

* Phòng chống những hành động xâm phạm tính mạng con người là biện pháp quan trọng để bảo đảm quyền sống. Các quốc gia thành viên cần tiến hành những biện pháp phòng chống và trừng trị hành động tuỳ tiện tước đoạt tính mạng con người do bất kỳ chủ thể nào gây ra, kể cả do các cơ quan và viên chức nhà nước (đoạn 5). Việc bắt cóc người và đưa đi mất tích cũng bị coi là một trong những hình thức tước đoạt quyền sống (đoạn 4).
* Mặc dù ICPPR không bắt buộc các quốc gia thành viên phải xóa bỏ hình phạt tử hình, song các quốc gia có nghĩa vụ giới hạn áp dụng hình phạt này chỉ với “những tội ác nghiêm trọng nhất”, ngoài ra còn phải bảo đảm mọi thủ tục tố tụng công bằng trong các vụ án tử hình (đoạn 6).

Điều 6 Công ước quốc tế về các Quyền dân sự, chính trị (ICCPR) quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 về điều kiện cho việc áp dụng hình phạt tử hình ở những nước còn duy trì hình phạt này, có thể tóm tắt như sau: (i) chỉ được phép áp dụng hình phạt tử hình đối với những tội ác nghiêm trọng nhất, căn cứ vào luật pháp hiện hành tại thời điểm tội phạm được thực hiện; (ii) việc áp dụng hình phạt tử hình không được trái với những quy định của ICCPR và của Công ước về Ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng; (iii) hình phạt tử hình chỉ được thi hành trên cơ sở bản án đã có hiệu lực pháp luật, do một toà án có thẩm quyền phán quyết; (iv) bất kỳ người nào bị kết án tử hình đều có quyền xin và quyền được xét ân giảm hoặc thay đổi mức hình phạt; (v) không áp dụng hình phạt tử hình với người dưới 18 tuổi và không được thi hành án tử hình đối với phụ nữ đang mang thai; (vi) không được viện dẫn Điều 6 để trì hoãn hoặc ngăn cản việc xoá bỏ hình phạt tử hình.

Như vậy, pháp luật quốc tế với mong muốn loại bỏ những hành vi xâm phạm tính mạng con người đã cho phép các nước tùy vào điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia có quyền áp dụng hình phạt tử hình đối với những hành vi vi phạm nghiêm trọng nhất. Bên cạnh đó, để bảo vệ tối đa quyền sống của trẻ em ICCPR không có phép áp dụng hình phạt này dù mức vi phạm đạt đến ngưỡng tử hình.

Thứ hai, sự phù hợp với điều kiện quốc gia. Hiện nay trên thế giới có tổng cộng 99 quốc gia đã xóa bỏ hình phạt từ hình và theo các số liệu nghiên cứu của UNODC về các vụ giết người trên thế giới được công bố năm 2011, tỷ lệ án mạng ở 5 quốc gia Trung và Đông Âu (bao gồm Cộng hòa Séc, Hungary, Moldova, Ba Lan và Romania - cả 5 nước đều đã bãi bỏ án tử hình từ những năm 1990) đã giảm 61% từ 4,5 xuống còn 1,6 trên 100.000 vụ giữa các năm 2000 và 2008, đặc biệt với các vụ án có nạn nhân là nam giới. Ở Canada, ở thời điểm trước khi xóa bỏ hình phạt tử hình, tỷ lệ các vụ giết người đang tăng lên, nhưng sau 40 năm bãi bỏ hình phạt này, con sốđó đã giảm xuống 44% so với trước đó[[15]](#footnote-15). Điều này củng cố mạnh mẽ quyết tâm xóa bỏ án tử ở nhiều quốc gia. Ngược lại, với rất nhều quốc gia khác, xóa bỏ án tử hình dang làm tình trạng vi phạm tội ác leo thang và khó kiểm soát, đặc biệt các quốc gia đang phát triển trong đó có Việt Nam. Trong số các vụ án có tính chất nghiêm trọng liên quan đến tính mạng con người như vụ án , nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ mục đích kinh tế, có thể nói các vụ án này đều liên quan đến ma túy, tham nhũng hay trộm cướp, từ những cám dỗ của đồi sống vật chất dẫn đến sự tha hóa về mặt đạo đức cộng với sự mai một của những giá trị truyền thống trong xã hội như nền tảng gia đình, sự tôn trọng giữa người với người dẫn đến tình trạng những mâu thuẫn rất nhỏ là tác nhân không nhỏ của tạo nên động cơ tội ác. Theo Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành Luật Thi hành án hình sự trong Công an Nhân dân (2011-2016) của Bộ Công an, số người bị kết án tử hình từ ngày 30/6/2011 đến 30/6/2016 là 1.134 (bao gồm: 429 trường hợp đã thi hành án, 179 trường hợp được Chủ tịch nước ân giảm xuống tù chung thân, 65 trường hợp Tòa phúc thẩm xét xử xuống chung thân và 21 năm, 80 trường hợp hủy án điều tra lại: 36 trường hợp chết). Đây là một con số không hề nhỏ về các trọng tội[[16]](#footnote-16). Trong số những vụ án trên , có những vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng gây hậu quả nặng nề không chỉ một vài cá nhân mà còn mang tính hủy diệt đối với cộng đồng, có thể kể đến vụ án ma túy, vận chuyển trái phép chất ma túy từ Lào về Việt Nam đưa sang Trung Quốc tiêu thụ, xảy ra vào ngày 4/7/2012 tại Sơn La được cho là lớn nhất từ trước đến nay. Trong vụ án này, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy của Bộ Công an đã thu giữ 89 bánh hêrôin và 33.800 viên ma túy tổng hợp, 1 kg ma túy tổng hợp dạng tinh thể, nếu số ma túy này được tiêu thụ sẽ gây hậu quả vô cùng nghiêm trọng[[17]](#footnote-17). Có thể thấy, ngoài nguyên nhân từ kinh tế, sự coi nhẹ tính răn đe của luật pháp cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến vi phạm. Vì vậy, đứng trước tình hình kinh tế xã hội hiện nay, khi chế độ an sinh xã hội kém phát triển cũng như đời sống vật chất người dân còn nhiều thiếu thốn, thiết nghĩ việc duy trì án tử hình như là biện pháp đặc biệt để kìm hãm sự gia tăng tội ác là điều cần thiết. Ở những quốc gia cho rằng hình phạt tử hình không làm giảm tội phạm đa số các quốc gia có nền kinh tế phát triển, trình độ dân trí cao, ý thức pháp luật cao, việc xóa bỏ hình phạt tử hình là điều tất yếu vì đã có một thời gian dài họ không hề áp dụng hình phạt tử hình trên thực tế. Do đó, việc xóa bỏ hình phạt tử hình trong luật chỉ là vấn đề thời gian. Trong khi ở Việt Nam, nền kinh tế vẫn còn đang phát triển, trình độ văn hóa chưa cao, ý thức pháp luật vẫn còn rất kém thì việc xóa bỏ hình phạt tử hình là chưa thể.

Thứ ba, hình phạt tử hình vừa là công cụ pháp lý đặc biệt nhằm ngăn ngừa tội phạm.

Xét về mặt chủ quan, bản thân con người thường dễ dàng bỏ quan những sai trái của chính bản thân mình bao gồm cả hành vi phạm tội. Bản năng sống không cho phép bất kỳ ai đều tự thú khi gây ra tội ác và điều đó sẽ càng nguy hiểm hơn khi xã hội không còn bất kỳ chế tài nào đủ sức răn đe và dập tắt những hành vi xâm hại đến tính mạng, sức khỏe người khác.Vì thế, trước khi là một hình phạt, án tử hình trước hết được áp dụng phải vì mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm. Khi xem lại những vụ án xảy ra trong những năm qua liên quan đến án tử, chúng ta đều thấy một sự thật chung rằng hậu quả không chỉ dừng lại ở bị báo và nạn nhân mà còn trực tiếp hoặc gián tiếp để lại những dư chấn nặng nề cho những người xung quanh đồng thời gây mất niềm tin giữa con người với con người ở trong cộng đồng, những thiệt hại này không thể đo lường được nhưng hậu quả thì rất thực tế. Điều này dẫn đến một nhận thức không thể chối bỏ rằng việc duy trì án tử với tư cách là chế tài hà khắc nhất như một sự nhắc nhở với bất kỳ chủ thể nào khi thực hiện hành vi đều phải cân nhắc và cẩn trọng. Vì vậy, khi quốc gia xem xét duy trì án tử hình thiết nghĩ nên xây dựng theo hướng sử dụng nó với mục đích ngăn ngừa tội phạm, đó cũng là một trong những phương pháp bảo vệ quyền con người hiệu quả nhất hiện nay.

**Kết luận:**

Nếu xem xét một cách tổng thể hệ thống pháp luật các nước nói chung và Việt Nam nói riêng đều mang tính nhân đạo, án tử hình chỉ được áp dụng trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng sau khi đã cân nhắc xem xét tuyên án chung thân và không phải bất kỳ hành vi nào tước đoạt mạng sống của người khác đều áp dụng chế tài này. Ở Việt Nam, trong giai đoạn định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, việc áp dụng án tử chỉ nên xem xét giảm bớt ở một số tội danh mà không nên bỏ, như theo luận giải của Luật sư La Văn Thái, Đoàn luật sư Hà Nội “tôi cho rằng chưa nên tiếp tục giảm tội tử hình, chứ đừng nói đến chuyện bỏ hay áp dụng án chung thân suốt đời, để thay thế cho án tử hình. Chưa nói đến việc án chung thân vô thời hạn, cũng gây sức ép rất lớn với các trại giam, tạo thêm sức ép đến ngân sách của Nhà nước. Thì lý do quan trọng nhất, số lượng tội phạm, mức độ gây án nghiêm trọng ở Việt Nam vẫn còn rất nhiều, cần phải duy trì mức hình phạt cao nhất là tử hình để đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung. Nếu không, dễ dẫn đến việc coi thường pháp luật, không sợ bị trừng phạt nghiêm khắc, gây án với mức độ tàn bạo hơn”.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

GS.TS.Nguyễn Khánh Vinh- TS.Nguyễn Ngọc Đào, Giao trình Lịch sử các học thuyết chính trị, pháp luật, Nxb Công an nhân dân, năm 2012, tr142.

GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, Ý tưởng về một nhà nước chịu trách nhiệm, Nxb Đà Nẵng, năm 2007, tr11.

TS. Vũ Công Giao, Thực hiện quyền sống trong Hiến pháp 2013, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số tháng 2, 2015.

Tuyên ngôn toàn thế gới về nhân quyên năm 1948 (UDHR) .

Công ước quốc tế về các Quyền dân sự, chính trị (ICCPR)

Human Rights Committee, General Comment 6, Article 6 (Sixteenth session, 1982), Compilation of General Comments and General Recommendations Adopted by Human Rights Treaty Bodies, U.N. Doc. HRI/GEN/1/Rev.1 at 6 (1994).

TS. Nguyễn Cảnh Bình, Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào, Nxb Thế giới, tái bản lần 4, năm 2017. Tr.321.

Mac-Ăng ghen: tuyển tập, T6, Nxb Sự thật Hà Nội, 1984.

Theo báo cáo tổng kết của ngành Tòa án nhân dân năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012.

<http://vietnammoi.vn/hon-1000-truo-ng-ho-p-bi-tuyen-tu-hinh-trong-vong-ba-nam-19733.html>, truy cập lúc 15:16 | 09/02/2017.

1. GS.TS.Nguyễn Khánh Vinh- TS.Nguyễn Ngọc Đào, Giao trình Lịch sử các học thuyết chính trị, pháp luật, Nxb Công an nhân dân, năm 2012, tr142. [↑](#footnote-ref-1)
2. GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, Ý tưởng về một nhà nước chịu trách nhiệm, Nxb Đà Nẵng, năm 2007, tr11. [↑](#footnote-ref-2)
3. TS. Vũ Công Giao, Thực hiện quyền sống trong Hiến pháp 2013, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số tháng 2, 2015. [↑](#footnote-ref-3)
4. Điều 3, Tuyên ngôn toàn thế gới về nhân quyên năm 1948 (UDHR) . [↑](#footnote-ref-4)
5. Khoản 1 Điều 6 Công ước quốc tế về các Quyền dân sự, chính trị (ICCPR) [↑](#footnote-ref-5)
6. Human Rights Committee, General Comment 6, Article 6 (Sixteenth session, 1982), Compilation of General Comments and General Recommendations Adopted by Human Rights Treaty Bodies, U.N. Doc. HRI/GEN/1/Rev.1 at 6 (1994). [↑](#footnote-ref-6)
7. GS.TS.Nguyễn Khánh Vinh- TS.Nguyễn Ngọc Đào, Giao trình Lịch sử các học thuyết chính trị, pháp luật, Nxb Công an nhân dân, năm 2012, tr142 về Học thuyết chính trị pháp lý của Jonhn Locke. [↑](#footnote-ref-7)
8. Đây là câu nói của Hobbes Thomas(1588-1679) nhà triết học và xã hội người Anh trong tác phẩm tên”Leviathan” được trích dẫn bởi GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, Ý tưởng về một nhà nước chịu trách nhiệm, Nxb Đà Nẵng, năm 2007, tr17. [↑](#footnote-ref-8)
9. Mac-Ăng ghen: tuyển tập, T6, Nxb Sự thật Hà Nội, 1984. [↑](#footnote-ref-9)
10. Đây là tư tưởng của Socrates(469-399TCN) là nhà hiền triết thời Hy Lạp cổ đại được biên soạn bởi GS.TS.Nguyễn Khánh Vinh- TS.Nguyễn Ngọc Đào, Giao trình Lịch sử các học thuyết chính trị, pháp luật, Nxb Công an nhân dân, năm 2012, tr 53. [↑](#footnote-ref-10)
11. GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, Ý tưởng về một nhà nước chịu trách nhiệm, Nxb Đà Nẵng, năm 2007,tr.12. [↑](#footnote-ref-11)
12. Xem tltd 11. [↑](#footnote-ref-12)
13. TS. Nguyễn Cảnh Bình, Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào, Nxb Thế giới, tái bản lần 4, năm 2017. Tr.321. [↑](#footnote-ref-13)
14. Xem tltd 11. [↑](#footnote-ref-14)
15. TS. Vũ Công Giao, Thực hiện quyền sống trong Hiến pháp 2013, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số tháng 2, 2015. [↑](#footnote-ref-15)
16. <http://vietnammoi.vn/hon-1000-truo-ng-ho-p-bi-tuyen-tu-hinh-trong-vong-ba-nam-19733.html>, truy cập lúc 15:16 | 09/02/2017. [↑](#footnote-ref-16)
17. Theo báo cáo tổng kết của ngành Tòa án nhân dân năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012. [↑](#footnote-ref-17)